TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-09-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Minh Thật
2. Ông Nguyễn Quốc Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/08/2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã VTĐ, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã VTĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hoân ngày 10/08/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phan Văn H trình bày:

Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị M tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã LT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Huyền T, sinh ngày: 15/08/2007 và Phan Thị Kim Th, sinh ngày: 04/11/2011 hiện đang sống với anh H. Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phan Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh H và chị M chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của anh H. Chị M không đến Tòa tham gia hòa giải đều đó cho thấy chị M không có thiện chí muốn được hòa giải đoàn tụ. Nay anh H yêu cầu ly hôn, xét đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Huyền T, sinh ngày: 15/08/2007 và Phan Thị Kim Th, sinh ngày: 04/11/ 2011 hiện đang sống với anh H, anh H yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T và cháu Th đang sống với anh H. Đồng thời cháu T và cháu Th có nguyện vọng được ở với anh H nhằm để ổn định cuộc sống của cháu T và cháu Th nên Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu Th cho anh H tiếp tục nuôi

dưỡng. Chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị M không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị M được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Thị Huyền T, sinh ngày: 15/08/2007 và Phan Thị Kim Th, sinh ngày: 04/11/ 2011 cho anh Phan Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Phan Thị Huyền T và Phan Thị Kim Th trưởng thành (tròn 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phan Văn H không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị Nguyễn Thị M, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006454 ngày 17/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Anh Phan Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- THA huyện Long Mỹ;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc